

CHÍNH PHỦ
Số: 57/2001/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2001

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Về điều kiện kinh doanh vận tải biển

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;
Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài ngày 12 tháng 11 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 9 tháng 6 năm 2000;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999;
Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 3 năm 1996;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với việc kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách và hành lý bằng đường biển của doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

2. Doanh nghiệp nêu tại Nghị định này bao gồm: doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo hình thức liên doanh.

Điều 2. Áp dụng pháp luật

1. Hoạt động kinh doanh vận tải biển tại Việt Nam phải tuân theo quy định của Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan của Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.
2. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác, thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.
3. Trong trường hợp pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế chưa quy định thì áp dụng tập quán quốc tế theo thoả thuận của các bên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **"*Kinh doanh vận tải biển*"** là việc khai thác tàu biển của doanh nghiệp để vận chuyển hàng hoá, hành khách, hành lý trên các tuyến vận tải biển.
2. **"*Chủ tàu Việt Nam*"** là chủ sở hữu hoặc người thuê tàu biển mà tàu đó đã được đăng ký trong "Sổ đăng ký tàu biển quốc gia" của Việt Nam.
3. **"*Chứng từ vận chuyển*"** là vận đơn, giấy gửi hàng hoặc chứng từ vận chuyển hàng hóa tương đương khác đối với vận chuyển hàng hoá; vé hoặc hợp đồng đối với vận chuyển hành khách.
4. **"*Tuyến nước ngoài*"** là tuyến hàng hải từ cảng biển Việt Nam đến một hoặc một số cảng biển nước ngoài và ngược lại.

Điều 4. Giá cước

Giá cước vận tải biển do các bên thoả thuận, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chương II

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH VẬN TẢI BIỂN

Điều 5. Điều kiện đối với doanh nghiệp

Doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển phải có đủ các điều kiện sau đây: